

Số: /BC-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO
Công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2025
trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Thực hiện Thông tư số 01/2023/TT-BTP ngày 06/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 19/2025/TT-BTP), UBND tỉnh Gia Lai báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2025 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

1. Công tác chỉ đạo triển khai thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật

Để triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 336/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính năm 2025 trên địa bàn tỉnh; trong đó, chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính như: Theo dõi việc thi hành các văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính để kịp thời phát hiện các quy định không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn để kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung; tổ chức phổ biến pháp luật, tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ xử lý vi phạm hành chính; nghiên cứu, đề xuất hướng xử lý đối với các vụ việc vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền đảm bảo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo luật định; tăng cường thanh tra, kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; thực hiện tốt chế độ báo cáo, thống kê công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định; bảo đảm nguồn kinh phí, nhân lực và các điều kiện cần thiết khác cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

Trên cơ sở kế hoạch của UBND tỉnh, các đơn vị, địa phương trong tỉnh đã xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính phù hợp với tình hình thực tế của từng đơn vị, địa phương.

2. Công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

Trong kỳ, UBND tỉnh Gia Lai không ban hành văn bản quy phạm pháp luật nhằm triển khai thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Công tác phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về pháp luật xử lý vi phạm hành chính

- Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật xử lý vi phạm hành chính:

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong việc bảo đảm thi hành có hiệu quả các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh tổ chức phổ biến sâu rộng Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2025); Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2025/NĐ-CP, Nghị định số 190/2025/NĐ-CP); Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2021 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 93/2025/NĐ-CP) và các nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong các ngành, lĩnh vực đến cán bộ, công chức, viên chức và đông đảo các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn tỉnh với nhiều hình thức khác nhau như: Phổ biến trực tiếp qua hội nghị, hội thảo hoặc qua đài truyền thanh, truyền hình; lồng ghép vào các buổi sinh hoạt cộng đồng ở địa phương; tổ chức ngày pháp luật; xây dựng câu hỏi - đáp pháp luật; đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng; tổ chức các câu lạc bộ “Tuổi trẻ phòng, chống tội phạm”, “Tuổi trẻ với pháp luật”, “Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý”,...; góp phần nâng cao nhận thức của cá nhân, tổ chức trong việc tuân thủ pháp luật, hạn chế các hành vi vi phạm, ổn định đời sống, sản xuất cho người dân và doanh nghiệp.

- Công tác bồi dưỡng, tập huấn, hướng dẫn về kỹ năng, nghiệp vụ trong việc triển khai thi hành và áp dụng pháp luật xử lý vi phạm hành chính:

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, ngày 19/7/2025, Sở Tư pháp tổ chức hội nghị bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác xử lý vi phạm hành chính cho cán bộ, công chức làm công tác tham mưu xử lý vi phạm hành chính tại cấp xã (tập huấn 77 xã thuộc tỉnh Gia Lai cũ). Ngày 30/10/2025 và 31/10/2025, Sở Tư pháp đã phối hợp với Bộ Tư pháp tổ chức hội nghị tập huấn chuyên sâu về công tác xử lý vi phạm hành chính tại tỉnh Gia Lai.

Các sở, ban, ngành, địa phương cũng thường xuyên thực hiện việc hướng dẫn kỹ năng, nghiệp vụ trong việc triển khai thi hành và áp dụng pháp luật xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

4. Công tác kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

Trong năm 2025, trên cơ sở Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 23/5/2025 của UBND tỉnh Bình Định, Sở Tư pháp Bình Định đã ban hành Văn bản số 389/STP-NV1 ngày 08/8/2025 về việc tổ chức kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại 02 đơn vị cấp tỉnh: Sở Công Thương, Sở Y tế. Sở Tư pháp Gia Lai tổ chức kiểm tra tại 06 đơn vị theo Kế hoạch số 172/KH-UBND: Sở Nội vụ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Công an tỉnh, UBND thị xã Ayun Pa, UBND huyện Chư Sê, UBND huyện Chư Puh. Đến nay, đã ban hành báo cáo kết quả kiểm tra tại các đơn vị được kiểm tra.

- Trong kỳ, các sở, ngành trong tỉnh đã tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên một số lĩnh vực trọng điểm như: Tình hình chấp hành pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản; hoạt động đầu tư xây dựng các dự án, công trình; năng lực hoạt động tư vấn khảo sát địa chất và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; giao thông đường bộ, đường thủy nội địa, kiểm soát tải trọng phương tiện; lao động, an toàn vệ sinh lao động và bảo hiểm xã hội; hoạt động hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, tiêm vắc xin dịch vụ, kinh doanh thuốc và sản xuất, kinh doanh mỹ phẩm, thực phẩm chức năng; phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; điện lực; hàng cấm, hàng lậu, hàng giả; khoáng sản; lâm nghiệp,...

II. TÌNH HÌNH VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

1. Tình hình xử phạt vi phạm hành chính (*Phụ lục 1 kèm theo báo cáo*)

Hành vi vi phạm hành chính của cá nhân, tổ chức chủ yếu trên các lĩnh vực: Đất đai; xây dựng; môi trường; trật tự an toàn giao thông đường bộ, đường sắt; thương mại (hàng cấm, hàng lậu, hàng giả...); vệ sinh an toàn thực phẩm; mỹ phẩm, dược phẩm, y tế; nhãn hàng hóa (tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm hàng hóa...); khoáng sản; lâm nghiệp (phá rừng, buôn bán động vật rừng và gỗ trái phép...); thủy sản (khai thác thủy sản trái quy định, không đảm bảo an toàn khi tham gia khai thác thủy sản...); quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (vi phạm quy định về điều kiện con người, điều kiện chung bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất kinh doanh thực phẩm; sử dụng phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm ngoài danh mục được phép sử dụng; sơ chế sản phẩm động vật không đảm bảo điều kiện vệ sinh thú y về cơ sở); quốc phòng an ninh,... Nguyên nhân chủ yếu là do ý thức chấp hành pháp luật của người dân còn nhiều hạn chế, vì lợi nhuận cá nhân mà vi phạm pháp luật; ngoài ra, do các văn bản pháp luật của Bộ, ngành Trung ương thường xuyên thay đổi nên người dân rất khó để tiếp cận với các quy định mới của pháp luật.

Thời gian qua, hình thức phạt tiền là hình thức xử phạt chính thường xuyên được áp dụng trong xử phạt vi phạm hành chính; ngoài ra, hình thức xử phạt bổ sung tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và hình thức phạt cảnh cáo cũng được áp dụng.

Nhìn chung, các hình phạt áp dụng đều đem lại hiệu quả và mang tính răn đe đối với các đối tượng vi phạm, góp phần hạn chế tình trạng vi phạm hành chính. Các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt vi phạm hành chính thường được áp dụng như: Tạm giữ người; tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề; khám người, phương tiện vận tải, đồ vật; khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính,...

- Tổng số vụ vi phạm: Từ ngày 15/12/2024 đến ngày 14/12/2025, trên địa bàn tỉnh có 3.082 vụ vi phạm hành chính (14 vụ chuyên truy cứu trách nhiệm hình sự, 13 vụ do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự chuyển đến để xử phạt vi phạm hành chính), giảm 22,17% so với cùng kỳ năm trước;

- Số đối tượng vi phạm là 2.917 đối tượng (221 tổ chức, 1.916 cá nhân, 780 đối tượng khác), giảm 26,63% so với cùng kỳ năm trước;

- Kết quả thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính: Người có thẩm quyền xử phạt đã ban hành 2.717 quyết định xử phạt vi phạm hành chính; trong đó, có 2.597 quyết định đã thi hành, còn lại 120 quyết định chưa thi hành xong do nhiều nguyên nhân khác nhau;

- Có 02 quyết định bị cưỡng chế thi hành, nguyên nhân là do đối tượng cố tình chống đối, không chấp hành quyết định xử phạt của người có thẩm quyền, bất hợp tác với cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; 18 quyết định bị khiếu nại, khởi kiện;

- Số tiền phạt thu được là 28.333.009.315 đồng, giảm 54,7% so với cùng kỳ năm trước;

- Số tiền thu được từ bán, thanh lý tang vật, phương tiện bị tịch thu là 928.577.600 đồng, giảm 58,36% so với cùng kỳ năm trước;

- Số tiền nộp do chậm thi hành quyết định xử phạt là 24.953.000 đồng; các khoản tiền khác thu từ xử phạt vi phạm hành chính là 1.340.581.660 đồng.

2. Tình hình áp dụng các biện pháp xử lý hành chính (Phụ lục 2 kèm theo báo cáo)

- Số đối tượng bị lập hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính: 216 đối tượng, tăng 127,3% so với cùng kỳ năm trước;

- Số đối tượng bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính: 194 đối tượng (16 đối tượng áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; 16 đối tượng đưa vào trường giáo dưỡng; 01 đối tượng đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc; 161 đối tượng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc), tăng 53,2% so với cùng kỳ năm trước;

- Tổng số đối tượng vi phạm là người chưa thành niên được áp dụng biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính quản lý tại gia đình và giáo dục dựa vào cộng đồng: 07 đối tượng;

- Tình hình thi hành quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính: 14 đối tượng đã chấp hành xong quyết định xử lý hành chính; 180 đối tượng đang chấp hành quyết định xử lý hành chính.

III. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG THỰC TIỄN THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH, NGUYÊN NHÂN VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các quy định của pháp luật

1.1. Khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính

- Khoản 1 Điều 24 Luật Xử lý vi phạm hành chính chưa quy định về lĩnh vực kinh doanh khí, điều này gây khó khăn, lúng túng cho địa phương khi xác định lĩnh vực (nội dung trích yếu của biên bản vi phạm hành chính) trong quá trình lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực kinh doanh khí.

- Tại điểm a khoản 1 Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định về thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính; trong đó, có quy định nhóm hành vi vi phạm trong lĩnh vực “*sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh hàng hóa*”. Tuy nhiên, hiện nay, các nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính quy định chưa thống nhất đối với nhóm hành vi vi phạm trên, có trường hợp quy định “*lĩnh vực thương mại*”, “*buôn bán*”... điều này gây khó khăn trong quá trình áp dụng trên thực tế.

- Một số thuật ngữ pháp lý chưa được diễn giải hoặc quy định cụ thể, gây khó khăn khi áp dụng, như việc xác định hành vi “*cố tình trốn tránh, trì hoãn*” để tính thời hiệu thi hành quyết định xử phạt; việc quy định một trong các tình tiết tăng nặng tại điểm 1 khoản 1 Điều 10 của Luật Xử lý VPHC là “*Vi phạm hành chính có quy mô lớn, số lượng hoặc trị giá hàng hóa lớn*” nhưng chưa có văn bản hướng dẫn thống nhất về tình tiết “*quy mô lớn*”; số lượng, trị giá hàng hóa vi phạm đến mức nào được coi là “*lớn*”.

- Tại Điều 9 Luật quy định 08 tình tiết giảm nhẹ đối với VPHC. Tuy nhiên, các tình tiết giảm nhẹ phần lớn còn quy định khá chung chung, định tính và chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể về áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trên thực tế. Dẫn đến thiếu thống nhất trong việc áp dụng các quy định của pháp luật và cán bộ thực thi pháp luật thường không áp dụng tình tiết giảm nhẹ do tâm lý “sợ sai”.

- Khoản 1 Điều 6 Luật quy định thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 01 năm, trừ các trường hợp (kế toán; hóa đơn; phí, lệ phí;... sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh hàng hóa; sản xuất, buôn bán hàng cấm, hàng giả;...) là 02 năm. Phạm vi “*sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh hàng hóa*” bao hàm quá rộng (bao gồm cả hàng cấm, hàng giả), dẫn đến khó khăn trong thực tiễn khi xác định thời hiệu.

- Điều 26 Luật quy định: “*Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là việc sung vào ngân sách nhà nước vật, tiền, hàng hoá, phương tiện có liên quan*”

trực tiếp đến vi phạm hành chính, được áp dụng đối với vi phạm hành chính nghiêm trọng do lỗi cố ý của cá nhân, tổ chức”. Tuy nhiên, hành vi do lỗi “cố ý” chưa được giải thích trong Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy định chi tiết Luật.

- Điều 33 Luật quy định: “*Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại*”. Hiện nay, có nhiều Nghị định quy định xử phạt có quy định biện pháp khắc phục hậu quả như trên. Tuy nhiên, trong thực tế, rất khó để xác định hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường. Mặt khác, hiện chưa có hướng dẫn trình tự, thủ tục và quy trình giám sát việc thực hiện tiêu hủy của cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính nên còn nhiều sơ hở, chưa thống nhất, theo ý chủ quan và rất dễ dẫn đến tùy tiện, tiêu cực. Việc tiêu hủy còn ảnh hưởng đến môi trường, phòng chống cháy, nổ.

- Điểm b khoản 2 Điều 60 Luật quy định: “*Giá theo thông báo của cơ quan tài chính địa phương; trường hợp không có thông báo giá thì theo giá thị trường của địa phương tại thời điểm xảy ra vi phạm hành chính*”. Tuy nhiên, trên thực tế tại thời điểm xảy ra vi phạm hành chính, cùng một loại hàng hóa có thể được bán với các mức giá khác nhau tại các cơ sở khác nhau. Do vậy, cơ quan xử phạt gặp khó khăn trong việc xác định giá trị làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt.

- Điểm b khoản 4 Điều 125 quy định: “*Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi lập biên bản, người lập biên bản phải báo cáo người có thẩm quyền tạm giữ về tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề đã tạm giữ để xem xét ra quyết định tạm giữ; quyết định tạm giữ phải được giao cho người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm 01 bản*”. Tuy nhiên, Luật Xử lý vi phạm hành chính và văn bản quy định chi tiết Luật không quy định ngoại trừ đối với trường hợp kiểm soát viên đang thi hành công vụ có thẩm quyền áp dụng hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính quy định tại Chương II Phần thứ hai của Luật này thì có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo quy định tại khoản 3 Điều 125 là người lập biên bản không phải báo cáo người có thẩm quyền tạm giữ.

- Điều 126 Luật quy định: “*Đối với tang vật, phương tiện đang bị tạm giữ do bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép để vi phạm hành chính thuộc trường hợp bị tịch thu thì trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp; cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp một khoản tiền tương đương trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính vào ngân sách nhà nước*”. Tuy nhiên, chưa có hướng dẫn cơ chế (thẩm quyền, trình tự, tổ chức thực hiện) cụ thể để thực hiện quy định này.

1.2. Khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các quy định của các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính

- Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định: “*Chứng từ thu, nộp tiền phạt, tiền chậm nộp phạt được in, phát hành, quản lý, sử dụng thống nhất trong phạm vi toàn quốc hoặc chứng từ điện tử nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật để xác nhận số tiền mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính đã nộp cho cơ quan thu tiền phạt. Chứng từ thu, nộp tiền phạt, tiền chậm nộp phạt vi phạm hành chính phải được lưu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về lưu trữ*”. Thực tế, Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 118/2021/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2025/NĐ-CP và Nghị định số 190/2025/NĐ-CP) không quy định trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước trong việc chuyển thông tin về việc nộp tiền phạt đến cơ quan có thẩm quyền xử phạt, cũng như nghĩa vụ của người vi phạm báo cáo hoàn thành nghĩa vụ nộp phạt với người ra quyết định xử phạt. Do đó, cơ quan ra quyết định xử phạt gặp khó khăn trong việc theo dõi việc thi hành quyết định xử phạt (không có cơ chế đối chiếu tự động kết quả thu tiền giữa Kho bạc và cơ quan xử phạt).

Mẫu Biên bản tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (mẫu Biên bản số 20) theo quy định tại Nghị định số 118/2021/NĐ-CP (được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 190/2025/NĐ-CP) chưa hợp lý. Cụ thể, không có trường thông tin thể hiện họ và tên, địa chỉ... của người chứng kiến trong nội dung biên bản nhưng lại có người chứng kiến ký tên trong biên bản.

- Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 138/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu và giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ theo thủ tục hành chính quy định: “*2. Các tang vật, phương tiện bị tạm giữ, tịch thu phải được đảm bảo tính nguyên vẹn...*”. Tuy nhiên, trường hợp gỗ là tang vật vi phạm bị khai thác trái phép trong rừng có kích thước lớn, tại khu vực có địa hình phức tạp (đồi núi, nằm sâu trong rừng...), không có đường vận xuất, vận chuyển thì khó có thể thực hiện việc thu gom, vận chuyển gỗ về kho bãi để quản lý, bảo quản. Để thu gom, vận chuyển gỗ ra khỏi rừng, cần phải cắt khúc, xẻ hộp thành quy cách nhỏ, dùng sức người kéo, khuôn vác gỗ ra vị trí tập kết ở bìa rừng, sau đó mới vận chuyển nhằm đảm bảo không mở đường vận xuất, vận chuyển và không ảnh hưởng đến cây rừng. Do vậy, để đưa tang vật vi phạm về kho bãi để quản lý, bảo quản nhưng phải đảm bảo tính nguyên vẹn theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 138/2021/NĐ-CP trong trường hợp này rất khó để thực hiện.

- Theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì nguyên tắc áp dụng các biện pháp cưỡng chế là: “*Người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế quyết định áp dụng các biện pháp cưỡng chế theo thứ tự quy định tại khoản 2 Điều 86 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Chỉ áp dụng các biện pháp tiếp theo khi không thể áp dụng các biện pháp cưỡng chế đó hoặc đã áp dụng nhưng chưa thu đủ số tiền bị cưỡng chế theo quyết định cưỡng chế*”. Trong khi đó, công tác xác minh gặp nhiều khó khăn, nhất là khi đối tượng vi

phạm là các cá nhân lao động tự do. Mặt khác, khi áp dụng biện pháp kê biên tài sản để thu tiền phạt đồng thời với việc cưỡng chế phá dỡ công trình xây dựng vi phạm cũng khó khả thi.

2. Khó khăn, vướng mắc trong việc tổ chức thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy định chi tiết thi hành

2.1. Về các điều kiện bảo đảm thi hành Luật

- Về kinh phí, cơ sở vật chất kỹ thuật:

Hiện nay, kinh phí cho công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được quy định tại Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính. Tuy nhiên, đến nay, Thông tư số 19/2017/TT-BTC đã được ban hành hơn 08 năm; theo đó, các mức chi cho công tác xử lý vi phạm hành chính được quy định tại Thông tư này đã không còn phù hợp với thực tiễn giá cả thị trường và mức lương cơ sở hiện nay. Trong khi đó, hiện nay các mức chi cho công tác khác như công tác xây dựng văn bản, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật,... đã được sửa đổi, bổ sung theo hướng tăng thêm cho phù hợp với mức lương cơ sở từ ngày 01/7/2024.

Ngoài ra, kinh phí, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của tỉnh còn yếu nên mới chỉ đáp ứng được yêu cầu cơ bản, chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của công tác này (còn thiếu phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ hiện đại được sử dụng để hỗ trợ phát hiện vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý). Cơ sở vật chất phục vụ công tác quản lý, bảo quản và xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu theo thủ tục hành chính mặc dù đã được quan tâm đầu tư nhưng chưa đồng bộ; hệ thống nhà tạm giữ tang vật, phương tiện, kho bãi chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu về diện tích, điều kiện bảo quản theo quy định, gây khó khăn trong quá trình quản lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

- Về tổ chức bộ máy nhân sự:

Tại cấp xã: Đội ngũ cán bộ phụ trách công tác xử lý vi phạm hành chính mới được sắp xếp, bố trí ở cấp xã kiêm nhiệm nhiều công việc lại chưa được bồi dưỡng nghiệp vụ xử lý vi phạm hành chính chuyên sâu, trong khi địa bàn quản lý rộng, phức tạp, nên trong quá trình tham mưu xử lý vi phạm hành chính có lúc chưa kịp thời, còn gặp nhiều vướng mắc trong triển khai thực hiện.

Tại cấp tỉnh, lực lượng thanh tra chuyên ngành tại các sở, ngành đã được điều chuyển qua Thanh tra tỉnh nên hiện tại, công tác xử lý vi phạm hành chính được giao cho cán bộ chuyên môn phụ trách. Trong khi đó, cán bộ thực hiện nhiệm vụ thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đa phần là kiêm nhiệm, trong khi công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính rất rộng, yêu cầu phải có kiến thức pháp luật cơ bản, chuyên sâu để thực hiện tốt nhiệm vụ.

2.2. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ

Hiện nay, do kinh phí cho công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật còn hạn chế nên việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các ngành, lĩnh vực chưa được tổ chức thường xuyên, nhất là tại các địa phương vùng sâu, vùng xa trên địa bàn tỉnh, dẫn đến tình trạng người dân do thiếu hiểu biết mà vi phạm pháp luật.

Tại các địa bàn cấp xã, công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hiện nay chủ yếu được thực hiện lồng ghép trong chương trình tuyên truyền, phổ biến pháp luật nói chung nên chưa mang lại hiệu quả cao trong công tác này.

2.3. Việc phối hợp giữa các ngành, cơ quan chức năng trong xử lý vi phạm hành chính

Công tác phối hợp giữa các lực lượng chức năng trong việc trao đổi thông tin, sử dụng lực lượng phối hợp, đấu tranh, phòng, chống vi phạm pháp luật chưa chặt chẽ, nhiều thủ tục còn bất cập. Ngoài ra, do đặc thù công tác của từng ngành khác nhau nên việc phối hợp của các ngành liên quan để thực hiện nhiệm vụ chưa được thường xuyên và đồng bộ.

2.4. Việc báo cáo, thống kê

Hiện nay, công tác báo cáo, thống kê về xử lý vi phạm hành chính thực hiện theo Thông tư số 01/2023/TT-BTP (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 19/2025/TT-BTP). Tuy nhiên, theo quy định thì UBND cấp tỉnh phải báo cáo Bộ Tư pháp trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày chốt số liệu báo cáo, trong khi UBND cấp tỉnh phải tổng hợp báo cáo từ các sở, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã. Do thời hạn báo cáo tại địa phương quá ngắn, mỗi cấp chỉ có thời hạn 03 ngày để tổng hợp báo cáo cho cấp trên nên khó đảm bảo về thời hạn và chính xác về số liệu báo cáo theo yêu cầu của Bộ Tư pháp.

2.5. Về công tác thanh tra, kiểm tra

- Hiện nay, ngoài chế độ công tác phí và phương tiện đi lại, Bộ Tài chính chưa quy định các mức chi hỗ trợ cho thành viên đoàn kiểm tra liên ngành công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, trong khi mức công tác phí còn quá thấp nên chất lượng và hiệu quả của công tác thanh tra, kiểm tra liên ngành về xử lý vi phạm hành chính chưa cao.

- Việc thực hiện kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 93/2025/NĐ-CP) tại địa phương còn gặp một số khó khăn, vướng mắc nhất định.

2.6. Những khó khăn, vướng mắc khác

a) Lĩnh vực nội vụ

Chế tài xử phạt hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới chưa đủ sức răn đe các đối tượng vi phạm. Việc xử lý hành vi vi phạm còn hạn chế, chủ yếu là nhắc nhở.

b) Lĩnh vực nông nghiệp và môi trường

Tình trạng khai thác thủy sản bằng nghề cấm, công cụ cấm khai thác thủy sản hoạt động vào ban đêm có tổ chức chặt chẽ, các đối tượng cử người theo dõi lực lượng tuần tra, kiểm soát gây khó khăn trong việc phát hiện truy bắt đối tượng vi phạm; các đối tượng làm nghề xiếc máy, xung điện, nghề lưới kéo (giã cào) khi bị phát hiện đã bỏ chạy, vứt bỏ ngư cụ xuống nước nhằm phi tang và có trường hợp chống trả lực lượng chức năng quyết liệt.

c) Lĩnh vực y tế

Hiện nay, số lượng cơ sở hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, tiêm vắc xin dịch vụ, kinh doanh thuốc và sản xuất, kinh doanh mỹ phẩm; cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn tỉnh ngày càng tăng cả về số lượng và quy mô sản xuất, kinh doanh; tình hình vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế, đặc biệt là trong lĩnh vực an toàn thực phẩm diễn biến ngày càng phức tạp, tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người tiêu dùng, trong khi lực lượng kiểm tra còn mỏng so với yêu cầu của thực tiễn nhiệm vụ được giao.

d) Một số khó khăn, vướng mắc khác tại địa phương

- Tại địa phương, cán bộ Tư pháp là đầu mối giúp UBND cấp xã quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, trực tiếp kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ và các quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Tuy nhiên, đây là lĩnh vực rất nhạy cảm, dễ sai phạm do các quy định của pháp luật còn chồng chéo; bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ thực hiện nhiệm vụ tham mưu giúp UBND cấp xã trong xử lý vi phạm hành chính đa số là kiêm nhiệm, mới được bố trí công tác này sau khi sắp xếp chính quyền địa phương hai cấp nên nghiệp vụ công tác còn hạn chế dẫn đến khó khăn, lúng túng trong thi hành nhiệm vụ.

- Việc lập thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trường hợp vắng mặt người vi phạm (nhất là trong lĩnh vực quốc phòng) gây khó khăn trong việc gửi, giao, nhận biên bản vi phạm hành chính, quyết định xử phạt; trường hợp người thân của người vi phạm không hợp tác cũng khó ban hành quyết định xử phạt và tổ chức thi hành.

- Lĩnh vực xử lý vi phạm hành chính là lĩnh vực rộng, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước khác nhau, dẫn đến việc khó kiểm soát hết các hành vi vi phạm được quy định trong các nghị định xử phạt vi phạm hành chính chuyên ngành; vì thế, có sự trùng lặp trong hành vi cũng như thẩm quyền xử phạt của các lực lượng có thẩm quyền.

3. Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc

3.1. Nguyên nhân chủ quan

Trong thời gian đầu vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, các cơ quan, đơn vị, đặc biệt là địa phương cấp xã trên địa bàn tỉnh còn gặp nhiều khó khăn, lúng túng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ do khối lượng công việc lớn và có nhiều thay đổi khi thực hiện các quy định về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền. Bên cạnh đó, số lượng đội ngũ cán bộ, công chức tại các đơn vị hành chính cấp xã còn thiếu, chất lượng chưa đồng đều, không đủ nhân lực có chuyên môn sâu trên các lĩnh vực nên đã ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ, đặc biệt trong công tác xử lý, xử phạt vi phạm hành chính.

3.2. Nguyên nhân khách quan

- Các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính còn tồn tại nhiều bất cập, chưa phù hợp với tình hình thực tế của địa phương nên trong quá trình áp dụng pháp luật còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc.

- Nguồn biên chế của tỉnh nói chung và biên chế, tổ chức bộ máy của tư pháp cấp xã, lực lượng cán bộ pháp chế ở các sở, ngành trên địa bàn tỉnh nói riêng chưa đủ để đảm bảo thực hiện tốt công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo yêu cầu đặt ra.

- Do nguồn kinh phí hạn hẹp nên nhiều đơn vị, địa phương vẫn chưa bố trí kinh phí để chi cho công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Mức chi cho công tác xử lý vi phạm hành chính theo Thông tư số 19/2017/TT-BTC đã không còn phù hợp với thực tế giá cả thị trường hiện nay; vẫn còn nhiều nhiệm vụ quan trọng trong công tác này chưa được Bộ Tài chính quy định mức chi hỗ trợ như: Công tác thanh tra, kiểm tra liên ngành; hướng dẫn nghiệp vụ xử lý vi phạm hành chính,...

4. Đề xuất, kiến nghị

Để nâng cao hơn nữa chất lượng và hiệu quả công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong thời gian tới, UBND tỉnh Gia Lai kiến nghị Bộ Tư pháp:

- Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung những điểm bất cập, hạn chế của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các nghị định có liên quan để đảm bảo tính thống nhất, khả thi khi áp dụng trong thực tiễn đối với những khó khăn, vướng mắc nêu tại Mục III Báo cáo này.

- Sửa đổi, bổ sung quy định chế độ báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo hướng kéo dài thời hạn báo cáo tại địa phương và quy định thời hạn chốt số liệu báo cáo thống nhất với các ngành khác để tạo thuận lợi cho địa phương trong quá trình thực hiện.

- Phối hợp với Bộ Tài chính sửa đổi, tăng thêm các mức chi hỗ trợ đối với công tác xử lý vi phạm hành chính; bổ sung nội dung chi cho công tác thanh tra, kiểm tra liên ngành, hướng dẫn nghiệp vụ xử lý vi phạm hành chính. Đồng thời, bổ

sung kinh phí cho địa phương để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

- Tăng cường tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu về kỹ năng, nghiệp vụ xử lý vi phạm hành chính trong một số lĩnh vực cụ thể cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác này tại địa phương.

Trên đây là Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, UBND tỉnh Gia Lai kính báo cáo Bộ Tư pháp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- CVP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, C3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Quế